

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 03 - 2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Tăng và ông Trần Văn Thành.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thanh H1ền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 2 năm 2021.

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 12, C, phường 13, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam. Hiện anh H1 đang ở Nhật Bản, không rõ địa chỉ. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 24/02/2007 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, anh chị vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống lập nghiệp được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau. Năm 2008, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Ni, huyện Đ, tỉnh Nghệ An sinh sống được khoảng 01 năm thì vợ chồng được sự khuyên nhủ của hai bên gia đình nên quay lại đoàn tụ với

nhau. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống và cách sống nên đến năm 2009 vợ chồng anh chị lại tiếp tục sống ly thân được một thời gian thì quay lại đoàn tụ cho đến khi chị H sinh thêm cháu Nguyễn Phạm Khánh L thì vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn. Năm 2017, anh H1 sang lao động tại Nhật Bản, vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H1.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/7/2008 và cháu Nguyễn Phạm Khánh L, sinh ngày 13/9/2012, hiện cháu N đang ở cùng anh H1 và ông bà nội tại Thôn 1, xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam, cháu L ở cùng chị H và ông bà ngoại tại xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và để cháu N cho anh H1 và ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ: Vợ chồng anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H tự nguyện xin nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và nộp thay cho Anh Nguyễn Văn H1.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa Chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn H1; về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng N cho anh H1 nuôi dưỡng (trong thời gian anh H1 còn ở Nhật Bản, giao cháu N cho bà Trương Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng); giao cháu Nguyễn Phạm Khánh L cho Chị Phạm Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 3/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thẩm quyền giải quyết:** Yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**[2] Về tố tụng:** Chị Phạm Thị H khởi kiện xin ly hôn Anh Nguyễn Văn H1 sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam, hiện anh H1 đang ở Nhật Bản nhưng chị H không biết địa chỉ cụ thể của anh H1 tại Nhật Bản. Đồng thời, mẹ đẻ anh H1 là bà Trương Thị S, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam cung cấp anh H1 đi lao động tại Nhật Bản từ cuối năm 2017 đến nay chưa về Việt Nam, anh H1 không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể của anh H1 tại Nhật Bản, anh H1 thường xuyên liên hệ với gia đình qua nhiều số điện thoại khác nhau. Tòa án đã thực hiện tổng đạt cho thân nhân của anh H1 là bà S và niêm yết theo quy định các văn bản tố tụng cho anh H1 được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời Tòa án đã 02 lần yêu cầu mẹ đẻ anh H1 là bà Trương Thị S cung cấp địa chỉ cụ thể của anh H1 tại Nhật Bản và thông báo cho anh H1 biết để gửi lời khai về cho Tòa án nhưng bà S đều từ chối. Anh H1 không gửi bản tự khai và vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc “*Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ*” và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh Nguyễn Văn H1 theo quy định của pháp luật.

### **[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị H:**

**[3.1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 24/02/2007 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và cách sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống ly thân nhiều lần, lần gần đây nhất là từ tháng 6/2017 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh H1 không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh H1. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn với anh H1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

**[3.2] Về con chung:** Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/7/2008 và cháu Nguyễn Phạm Khánh L, sinh ngày 13/9/2012, hiện cháu N đang ở cùng anh H1 và ông bà nội tại Thôn 1, xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam, cháu L ở cùng chị H và ông bà ngoại tại xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Xét thấy: Qua lời khai của bà S là mẹ anh H1 thì hàng tháng anh H1 vẫn gửi tiền về cho bà để nuôi cháu N ăn học và bà S cũng nhận trách nhiệm trong thời gian anh H1 đi làm xa bà sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N thay anh H1. Đồng thời, chị H có nguyện vọng xin nuôi cháu L và để anh H1 nuôi cháu N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai cháu đều đang đi học ổn định, tránh xáo trộn trong cuộc sống và đảm bảo điều kiện sống tốt nhất cho các cháu. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nguyện vọng của cháu Nguyễn Hoàng N và cháu Nguyễn Phạm Khánh L, căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Phạm Khánh L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Hoàng N cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét. Trong thời gian anh H1 đi lao động tại Nhật Bản, giao cháu Nguyễn Hoàng N cho bà Trương Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

**[3.3] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác:** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa Chị Phạm Thị H và Anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/7/2008 cho Anh Nguyễn Văn H1 và cháu Nguyễn Phạm Khánh L, sinh ngày 13/9/2012 cho Chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/7/2008 cho bà Trương Thị S, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh H1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa*

*án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0005710 ngày 20/11/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam được đối trừ khi thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Việt Hà**